

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 6-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Quyển

Ông Phan Công Điện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh An-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38B/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khóm 2, phường 2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 2008 đồng thời có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật năm 2016. Thời gian đầu chung sống với

nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong thời gian dài. Bản thân chị D nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị D cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung: Nguyễn Thị Thu T, (giới tính nữ) sinh ngày 25 tháng 9 năm 2009. Hiện tại cháu đang sinh sống cùng với anh Đ, sau khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt do đó không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2021 của cháu Nguyễn Thị Thu T trình bày có nguyện vọng được sống chung với anh Nguyễn Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, theo nguyên đơn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống đồng thời thường xuyên cãi vã, không yêu thương quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm

nghĩa vụ vợ chồng trong việc yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, phía bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình còn mong muốn đoàn tụ hay không, chứng tỏ bị đơn cũng không tha thiết hàn gắn quan hệ hôn nhân; phía nguyên đơn đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên xóa bỏ mâu thuẫn để đoàn tụ với bị đơn, nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Trong thời gian chị D và anh Đ sống ly thân thì cháu T sống chung với bị đơn cho đến nay đồng thời cháu T có nguyện vọng được sống chung với anh Đ. Do đó, để đảm bảo môi trường ổn định cho cháu nên cần thiết giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 9, 14, 53, 56, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thu T, (giới tính nữ) sinh ngày 25 tháng 9 năm 2009, chị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung,

Danh quyền trông nom, chăm sóc con chung cho chị Nguyễn Thị D, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên không xem xét

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005843 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Phương Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hiếu**